

Bản án số: 08/2026/HNGĐ-ST

Ngày 15-4-2026

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Chu Thị Bời;

Bà Nguyễn Thị Lợi.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Lăng Thị Em - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2
- Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 -Lạng Sơn tham gia phiên
toà:** Ông Hoàng Trọng Hình - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn xét
xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số:
93/2025/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
05/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2026; Quyết định hoãn phiên
toà số 10/2026/QĐST-HNGĐ ngày 30-3-2026, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn N, xã V,
tỉnh Lạng Sơn; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Phương Văn C, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn N, xã V,
tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

3. **Người làm chứng:** Anh Phương Văn C1; địa chỉ: Thôn N, xã V, tỉnh
Lạng Sơn; có ý kiến xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 18-8-2025 và bản tự khai trong quá
trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phương Văn C được tự do tìm hiểu yêu
nhau và tự nguyện đến với nhau không ai ép buộc, có đăng ký kết hôn ngày 28-
6-2010 tại Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Lạng Sơn (trước đây là Ủy ban nhân dân

xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn). Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng tình cảm bình thường đến năm 2020 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân xuất phát từ vấn đề tài chính nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh **Phương Văn C**.

Về con chung: Chị và anh **Phương Văn C** có 02 con chung là **Phương Minh K**, sinh ngày 03-02-2011 và **Phương Nam P**, sinh ngày 01-7-2017, hiện nay cháu **Phương Minh K** đang ở cùng anh **Phương Văn C**, còn cháu **Phương Nam P** đang ở cùng chị; khi ly hôn chị yêu cầu anh **Phương Văn C** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Phương Minh K** đến tuổi trưởng thành; chị là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Phương Nam P** đến tuổi trưởng thành, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác, tuy nhiên bị đơn anh **Phương Văn C** không hợp tác, không đến Tòa án, do đó Tòa án không thể thu thập lời khai đối với anh **Phương Văn C** được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật như viết bản tự khai và cung cấp các tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập hợp lệ, thông báo cho bị đơn đến Tòa án để giải quyết vụ án tuy nhiên bị đơn không đến.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 238; Điều 264; Điều 266; Điều 269; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị **Nguyễn Thị N**. Chị **Nguyễn Thị N** được ly hôn với anh **Phương Văn C**.

Về con chung: Giao con chung **Phương Minh K**, sinh ngày 03-02-2011 cho anh **Phương Văn C** tiếp tục là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Giao con chung cháu **Phương Nam P**, sinh ngày 01-7-2017 cho chị **Nguyễn Thị N** tiếp tục là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Chị **Nguyễn Thị N**, anh **Phương Văn C** có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung, mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị **Nguyễn Thị N** phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị **Nguyễn Thị N** và anh **Phương Văn C** sống chung với nhau có đăng ký kết hôn, như vậy quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống chị **Nguyễn Thị N** và anh **Phương Văn C** có 02 con chung chưa thành niên, chị **Nguyễn Thị N** có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh **Phương Văn C** nên xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị **Nguyễn Thị N** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh **Phương Văn C**, do anh **Phương Văn C** có địa chỉ tại **thôn N, xã V, tỉnh Lạng Sơn** nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lạng Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điều 35 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn chị **Nguyễn Thị N**, bị đơn anh **Phương Văn C** và người làm chứng anh **Phương Văn C1**. Xét thấy chị **Nguyễn Thị N** đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập hợp lệ đồng thời niêm yết giao các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật tuy nhiên bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Người làm chứng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt chị **Nguyễn Thị N**, anh **Phương Văn C**, anh **Phương Văn C1** theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị N** và anh **Phương Văn C** có đăng ký kết hôn ngày 28-6-2010 tại Ủy ban nhân dân xã **V**, tỉnh Lạng Sơn (trước đây là Ủy ban nhân dân xã **B**, huyện **V**, tỉnh Lạng Sơn), như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị **Nguyễn Thị N** và anh **Phương Văn C** là hợp pháp. Chị **Nguyễn Thị N** trình bày thời gian đầu vợ chồng chung sống cùng nhau chưa phát sinh

mâu thuẫn, nhưng sau đó có những mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị Nguyễn Thị N xác định tình cảm không còn nên đề nghị được ly hôn với anh Phương Văn C. Đối với anh Phương Văn C kể từ khi Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập anh Phương Văn C nhiều lần đồng thời niêm yết tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định để thông báo cho anh Phương Văn C đến Tòa án để tham gia tố tụng, thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình và hoà giải hàn gắn tình cảm với chị Nguyễn Thị N tuy nhiên anh Phương Văn C vắng mặt không có lý do; ngoài ra từ đó đến nay anh Phương Văn C cũng không liên lạc với chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị N có gọi điện thoại nhưng anh Phương Văn C cũng không nghe máy, từ đó cho thấy anh Phương Văn C không mong muốn hàn gắn tình cảm để tiếp tục mối quan hệ hôn nhân với chị Nguyễn Thị N. Tại Công văn số 76/UBND-VP ngày 20-01-2026 của Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Lạng Sơn về việc trả lời xác minh tình trạng hôn nhân có cung cấp thông tin: Tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thị N và anh Phương Văn C có xảy ra mâu thuẫn hay không chính quyền địa phương không nắm được do không có đơn thư hòa giải, không có biên bản xử lý vụ việc liên quan đến mâu thuẫn gia đình. Anh Phương Văn C1 là anh trai ruột của Phương Văn C cho biết chị Nguyễn Thị N và anh Phương Văn C có phát sinh mâu thuẫn sau đó đã ly thân từ rất lâu, đối với các văn bản tố tụng của Tòa án anh đã thông báo cho Phương Văn C biết. Như vậy, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và anh Phương Văn C không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị Nguyễn Thị N và anh Phương Văn C có 02 con chung là cháu Phương Minh K, sinh ngày 03-02-2011 và cháu Phương Nam P, sinh ngày 01-7-2017, hiện nay cháu Phương Minh K đang ở cùng anh Phương Văn C, còn cháu Phương Nam P đang ở cùng chị; khi ly hôn chị yêu cầu anh Phương Văn C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phương Minh K đến tuổi trưởng thành; chị là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phương Nam P đến tuổi trưởng thành, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Xét thấy yêu cầu trên của chị Nguyễn Thị N là hợp lý vì hiện nay các cháu đang sinh sống và học tập ổn định cụ thể: Cháu Phương Minh K vẫn đang sinh sống cùng anh Phương Văn C và đang học tại trường P1, xã V, tỉnh Lạng Sơn và nguyện vọng của cháu Phương Minh K mong muốn ở cùng với bố; còn cháu Phương Nam P đã sinh sống cùng chị Nguyễn Thị N, học tập tại Thanh Hóa và nguyện vọng của cháu Phương Nam P là vẫn mong muốn ở cùng mẹ. Do đó tiếp tục giao con chung cháu Phương Minh K, sinh ngày 03-02-2011 cho anh Phương Văn C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Giao con chung cháu Phương Nam P, sinh ngày 01-7-2017 cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Chị **Nguyễn Thị N** và anh **Phương Văn C** có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị **Nguyễn Thị N** khai chị và anh **Phương Văn C** không có tài sản chung, nợ chung và cho vay chung, đối với anh **Phương Văn C** không hợp tác, không cung cấp lời khai cho Tòa án. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị **Nguyễn Thị N** phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn để nộp Ngân sách Nhà nước.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; Điều 273; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điều 35 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị **Nguyễn Thị N**. Chị **Nguyễn Thị N** được ly hôn với anh **Phương Văn C**.

2. Giao con chung **Phương Minh K**, sinh ngày 03-02-2011 cho anh **Phương Văn C** tiếp tục là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Giao con chung cháu **Phương Nam P**, sinh ngày 01-7-2017 cho chị **Nguyễn Thị N** tiếp tục là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Chị **Nguyễn Thị N** và anh **Phường Văn C** có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số BLTU/25E/0001031 ngày 20-11-2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị N** và anh **Phường Văn C** vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 2 – Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 2 – Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- UBND xã Văn Lãng; T. Lạng Sơn.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Linh